TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THẠNH PHÚ** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 175/2017/DS-ST
Ngày: 28-9-2017
V/v tranh chấp "hợp đồng góp hụi"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠNH PHÚ, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Thanh Minh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Mứt

2. Bà Huỳnh Thị Minh Tâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Lan

Trong ngày 28 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 116/2017/TLST-DS ngày 12 tháng 4 năm 2017 về tranh chấp "hợp đồng góp hụi" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 2471/2017/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Lê Thị Y, sinh năm: 1953,

Địa chỉ: 209/1 ấp TH, thị trấn T, huyện P, tỉnh Bến Tre.

Bà Y ủy quyền cho chị Trần Thị Kim P – sinh năm: 1979, địa chỉ: số 02 đường 833, khu phố Phú Nhơn, phường 5, thành phố TA, tỉnh Long An tham gia tố tụng theo văn bản ủy quyền ngày 29-8-2017. Có mặt.

2. Bị đơn: Trần Thị Mỹ L, sinh năm: 1954, Vắng mặt.

Địa chỉ: 197/3 ấp TH, thị trấn T, huyện P, tỉnh Bến Tre.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bùi Văn M (Bùi Hoàng C), sinh năm: 1953, Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: 89/2 ấp TH, thị trấn T, huyện P, tỉnh Bến Tre.

- Trần Công P, sinh năm: 1951, Địa chỉ: 209/1 ấp TH, thị trấn T, huyện P, tỉnh Bến Tre.

Ông P ủy quyền cho chị Trần Thị Kim P, sinh năm: 1979, địa chỉ: 02 đường 833, khu phố Phú Nhơn, phường 5, thành phố TA, tỉnh Long An tham gia tố tụng theo văn bản ủy quyền ngày 29-8-2017. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 12-4-2017 và trong quá trình tố tụng tại tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Lê Thị Y; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trần Công P chị Trần Thị Kim P trình bày:

Bà Trần Thị Mỹ L có chơi của bà Lê Thị Y 07 dây hụi. Cụ thể như sau:

Dây hụi thứ nhất: Hụi khui ngày 10-11-2014 (âm lịch), gồm 19 hụi viên, hụi 10.000.000 đồng/ 1 phần, hụi một tháng khui một lần, hụi có lãi. Bà L tham gia một phần, hốt ngày 10-01-2015 (âm lịch), sau khi hốt hụi bà L đóng hụi chết đến tháng 10-2015 (âm lịch), từ tháng 11-2015 (âm lịch) thì không đóng hụi nữa. Hụi mãn ngày 10-5-2016 (âm lịch), còn lại 7 phần bà L không đóng hụi chết nên còn thiếu bà Y số tiền là 70.000.000 đồng.

Dây hụi thứ hai: Hụi khui ngày 15-7-2014 (âm lịch), gồm 22 hụi viên, hụi 3.000.000 đồng/ 1 phần, hụi một tháng khui một lần, hụi có lãi. Bà L tham gia hai phần, hốt hụi phần thứ nhất ngày 15-8-2014 (âm lịch); hốt phần thứ hai ngày 15-9-2014 (âm lịch), sau khi hốt hụi bà L đóng hụi chết đến tháng 10-2015 (âm lịch), từ tháng 11-2015 (âm lịch) thì không đóng hụi nữa. Hụi mãn ngày 15-3-2016 (âm lịch), còn lại 10 phần bà L không đóng hụi chết nên còn thiếu bà Y số tiền là 30.000.000 đồng.

Dây hụi thứ ba: Hụi khui ngày 20-12-2014 (âm lịch), gồm 21 hụi viên, hụi 3.000.000 đồng/ 1 phần, hụi một tháng khui một lần, hụi có lãi. Bà L tham gia hai phần, hốt hụi phần thứ nhất ngày 20-02-2015 (âm lịch); hốt phần thứ hai ngày 20-11-2015 (âm lịch), từ tháng 11-2015 (âm lịch) thì không đóng hụi nữa. Hụi mãn ngày 20-8-2016 (âm lịch), còn lại 20 phần bà L không đóng hụi chết nên còn thiếu bà Y số tiền là 60.000.000 đồng.

Dây hụi thứ tư: Hụi khui ngày 25-6-2014 (âm lịch), gồm 21 hụi viên, hụi 3.000.000 đồng/ 1 phần, hụi một tháng khui một lần, hụi có lãi. Bà L tham gia hai phần, hốt hụi phần thứ nhất ngày 25-6-2014 (âm lịch); hốt phần thứ hai ngày 25-9-2014 (âm lịch), từ tháng 10-2015 (âm lịch) thì không đóng hụi nữa. Hụi mãn ngày 25-01-2016 (âm lịch), còn lại 8 phần bà L không đóng hụi chết nên còn thiếu bà Y số tiền là 24.000.000 đồng.

Dây hụi thứ năm: Hụi khui ngày 28-6-2014 (âm lịch), gồm 21 hụi viên, hụi 3.000.000 đồng/ 1 phần, hụi một tháng khui một lần, hụi có lãi. Bà L tham gia hai phần, hốt hụi phần thứ nhất ngày 28-7-2014 (âm lịch); hốt phần thứ hai ngày 28-8-2014 (âm lịch), từ tháng 10-2015 (âm lịch) thì không đóng hụi nữa. Hụi mãn ngày 28-01-2016 (âm lịch), còn lại 8 phần bà L không đóng hụi chết nên còn thiếu bà Y số tiền là 24.000.000 đồng.

Dây hụi thứ sáu: Hụi khui ngày 01-12-2014 (âm lịch), gồm 18 hụi viên, hụi 3.000.000 đồng/ 1 phần, hụi một tháng khui một lần, hụi có lãi. Bà L tham gia hai phần, hốt hụi phần thứ nhất ngày 01-3-2015 (âm lịch); hốt phần thứ hai ngày 01-4-2015 (âm lịch), từ tháng 11-2015 (âm lịch) thì không đóng hụi nữa. Hụi mãn ngày 01-5-2016 (âm lịch), còn lại 14 phần bà L không đóng hụi chết nên còn thiếu bà Y số tiền là 42.000.000 đồng.

Dây hụi thứ bảy: Hụi khui ngày 06-12-2014 (âm lịch), gồm 18 hụi viên, hụi 3.000.000 đồng/ 1 phần, hụi một tháng khui một lần, hụi có lãi. Bà L tham gia hai

phần, hốt hụi phần thứ nhất ngày 06-01-2015 (âm lịch); hốt phần thứ hai ngày 06-02-2015 (âm lịch), từ tháng 11-2015 (âm lịch) thì không đóng hụi nữa. Hụi mãn ngày 06-5-2015 (âm lịch), còn lại 12 phần bà L không đóng hụi chết nên còn thiếu bà Y số tiền là 36.000.000 đồng.

Tổng số tiền nợ hụi bà L còn nợ bà Y là 286.000.000 đồng, bà L có viết biên nhận nợ cho bà Y thừa nhận số nợ hụi này.

Theo đơn khởi kiện bà Y còn yêu cầu bà L trả số tiền 246.000.000 đồng ở bốn dây hụi khác nhưng do số dây hụi này ban đầu bà Y cho con gái là Trần Thị Kim Hồng Phẩm làm chủ hụi, bà L viết biên nhận nợ là nợ tiền của chị Phẩm nên bà Y làm đơn tự nguyện rút yêu cầu khởi kiện đối với khoản tiền hụi 246.000.000 đồng.

Do bà L và ông M (Bùi Hoàng C) là vợ chồng, việc bà L chơi hụi với bà Y diễn trong thời gian dài, khi bà Y đi gom hụi nhiều lần ông M cũng đưa tiền cho bà L đóng hụi, số tiền bà L hốt hụi dùng để mua đất, cất nhà, kinh doanh mở phòng khám tư, trang trải sinh hoạt trong gia đình, bà L và ông M vẫn là vợ chồng hợp pháp nên bà Y yêu cầu ông Bùi Văn M là chồng của bà L có nghĩa vụ liên đới cùng bà L trả tiền hụi là 286.000.000 đồng cho bà Y.

Việc bà Y chơi hụi ông Trần Công P là chồng của bà Y cũng biết, việc chơi hụi là để tạo thu nhập trong gia đình, khi bà L không đóng hụi chết bà Y phải lấy tiền chung trong gia đình đóng thay bà L nên số tiền nợ hụi của bà L là tài sản chung của bà Y và ông P.

Theo bản tự khai ngày 14-7-2017 và trong quá trình tố tụng bị đơn Trần Thị Mỹ L trình bày:

Bà thừa nhận việc bà có chơi các dây hụi, phần hụi, số tiền hụi còn thiếu bà Y là 286.000.000 đồng như bà Y trình bày là đúng. Đối với số tiền hụi 246.000.000 đồng là bà nợ của chị Phẩm chứ không phải của bà Y.

Bà đồng ý trả cho bà Y số tiền hụi 286.000.000 đồng nhưng có đề nghị lúc nào bán được nhà mới có tiền trả nợ.

Việc bà chơi hụi là do bà tự chơi, bà chơi hụi dùm người khác, chơi hụi lấy tiền cho người khác vay lại nên ông M là chồng bà không biết, bà và ông M là vợ chồng nhưng kinh tế riêng nên số tiền hụi này bà tự trả cho bà Y.

Theo văn bản có tên là "đơn yêu cầu" đề ngày 18-5-2017 và "đơn xin xét xử vắng mặt" đề ngày 22-9-2017 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bùi Văn M (Bùi Hoàng C) trình bày:

Ông và bà Trần Thị Mỹ L chỉ trên danh nghĩa vợ chồng, việc làm ăn kinh tế riêng và cả hai không còn trách nhiệm với nhau. Việc bà L chơi hụi với ai ông không tham gia và nhiều lần can ngăn, số tiền chơi hụi không đem về phục vụ lợi ích cho gia đình. Vì vậy ông không đồng ý cùng bà L trả số tiền nợ hụi theo yêu cầu của bà Y.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng. Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: căn cứ vào đơn khởi kiện của nguyên đơn Lê Thị Y thì nguyên đơn Lê Thị Y yêu cầu bị đơn Trần Thị Mỹ L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bùi Văn M trả cho bà Y số tiền nợ hụi nên đây là tranh chấp hợp đồng góp hụi theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án; bị đơn Trần Thị Mỹ L, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bùi Văn M đăng ký thường trú tại ấp TH, thị trấn T, huyện P, tỉnh Bến Tre; theo điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú.

[3] Về tố tụng: Bị đơn Trần Thị Mỹ L đã được Tòa án tống đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và Giấy triệu tập đến tham gia phiên tòa sơ thẩm đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, tòa án nhận được đơn xin hoãn phiên tòa của bà L vì cho rằng bà đi trị bệnh nhưng không cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn Trần Thị Mỹ L theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bùi Văn M có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về nội dung: Hợp đồng góp hụi giữa nguyên đơn Lê Thị Y với bị đơn Trần Thị Mỹ L được giao kết trên cơ sở tự nguyện và bình đẳng, không ai bị lừa dối hoặc bị ép buộc; cả hai đều có năng lực pháp luật và năng lực hành vi dân sự nên được xem là hợp đồng hợp pháp theo quy định tại Điều 479 Bộ luật dân sự năm 2005.

[5] Tại phiên tòa bị đơn Trần Thị Mỹ L vắng mặt nhưng qua hòa giải nguyên đơn Lê Thị Y với bị đơn Trần Thị Mỹ L thống nhất về thời gian chơi hụi, phần hụi tham gia cũng như số tiền hụi bà L còn nợ bà Y là 286.000.000 đồng nên bà Y có yêu cầu bà L trả số tiền hụi 286.000.000 đồng là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Đối với việc bà Y rút yêu cầu khởi kiện đối với việc yêu cầu bà L và ông M liên đới trả số tiền 246.000.000 đồng, việc rút yêu cầu này là tự nguyện nên Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Y theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự.

[7] Việc ông M không đồng ý liên đới cùng bà L trả số tiền nợ hụi cho bà Y vì cho rằng ông không biết việc bà L chơi hụi và vợ chồng ông làm ăn, sử dụng tiền riêng. Tuy nhiên tại thời điểm bà L hốt hụi bà L và ông M vẫn là vợ chồng hợp pháp. Bà L cho rằng đây là việc làm ăn riêng của bà, ông M cho rằng vợ chồng đã sống ly thân và có kinh tế riêng nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh nên căn cứ theo Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình việc bà Y yêu cầu bà L và ông M có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Y số tiền 286.000.000 đồng là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Xét yêu cầu của bà L về việc đề nghị được trả tiền khi bán nhà là không phù hợp vì sau khi hốt hụi bà L đã không thực hiện đúng nghĩa vụ đóng hụi chết làm ảnh

hưởng đến quyền lợi của bà Y và yêu cầu của bà L cũng không được bà Y chấp nhận nên buộc bà L và ông M phải trả một lần hết số tiền 286.000.000 đồng cho bà Y.

[8] Bà Y trình bày bà và ông P là vợ chồng, số tiền hoa hồng bà được hưởng từ việc chơi hụi bà sử dụng vào việc phục vụ nhu cầu sinh hoạt trong gia đình cũng như khi bà L không đóng tiền hụi chết bà Y phải lấy tiền từ gia đình để đóng hụi chết thay bà L nên buộc bà L và ông M liên đới trả 286.000.000 đồng cho bà Y và ông P.

[9] Bà L và ông M phải nộp án phí dân sự sơ thẩm, các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 147, điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 479 Bộ luật dân sự năm 2005, Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị định số 144/2006/NĐ - CP, ngày 27/11/2006 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường.

Căn cứ vào Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Điều 17 Luật phí và lệ phí; Điều 26, Điều 27, điểm b Tiểu mục 1.3 Mục 1 Phần II (danh mục án phí) Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Lê Thị Y. Buộc bà Trần Thị Mỹ L và ông Bùi Văn M (Bùi Hoàng C) có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Lê Thị Y và ông Trần Công P số tiền 286.000.000 (hai trăm tám mươi sáu triệu) đồng.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, có đơn yêu cầu của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Y đối với yêu cầu khởi kiện buộc bà Trần Thị Mỹ L và ông Bùi Văn M (Bùi Hoàng C) liên đới trả số tiền 246.000.000 đồng.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Trần Thị Mỹ L và ông Bùi Văn M (Bùi Hoàng C) có nghĩa vụ liên đới có nghĩa vụ liên đới nộp 14.300.000 đồng (mười bốn triệu ba trăm nghìn đồng).

Bà Lê Thị Y được Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 12.640.000 (mười hai triệu sáu trăm bốn mươi nghìn đồng) theo biên lai thu số 0004979 ngày 12 tháng 4 năm 2017.

3. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *Viện KSND huyện Thạnh Phú;*
- *Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre;*
- *Chi cục THADS huyện Thạnh Phú;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Cao Thanh Minh

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

LÊ VĂN MỨT – HUỲNH THỊ MINH TÂM **CAO THANH MINH**